

Số: /GPMT-UBND Ninh Bình, ngày tháng 4 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 310/TTr-SNNMT ngày 07/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định, địa chỉ tại số 01 đường Tuệ Tĩnh, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 01 đường Tuệ Tĩnh, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình.

1.3. Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình.

1.4. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 320/NB-GPHĐ do Sở Y tế tỉnh Ninh Bình cấp ngày 25/7/2025.

1.5. Mã số thuế: 0600142951.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở khám chữa bệnh.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Tổng diện tích của cơ sở là 13.719,9 m², trong đó:

+ Khu A: 12.092,2 m² (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 111551 do UBND tỉnh Nam Định cấp ngày 27/12/2013);

+ Khu B: 1.627,7 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 111552 do UBND tỉnh Nam Định cấp ngày 27/12/2013).

- Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

- Quy mô, công suất tối đa: 340 giường bệnh.

- Quy trình hoạt động: Bệnh nhân → Khám chẩn đoán bệnh → Nhập viện điều trị nội trú/Kê đơn điều trị ngoại trú/Chuyển tuyến → Xuất viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải (chất thải rắn y tế thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại), phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh: Không thuộc danh mục phân loại xanh.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm

thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo cáo về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 2875/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định”; Quyết định số 2100/QĐ-STNMT ngày 24/10/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định; Giấy xác nhận số 858/XN-STNMT ngày 22/4/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định về thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (gia hạn lần 01) số 2300/GP-STNMT ngày 30/7/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Thiên Trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định hoạt động tại số 01 đường Tuệ Tĩnh, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Y tế;
- UBND phường Thiên Trường;
- Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VP3.

Q_V3

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Chức

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Khu A

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh.
- + Nguồn số 02: Nước thải từ khu giặt.
- + Nguồn số 03: Nước thải y tế từ hoạt động rửa dược liệu.
- + Nguồn số 04: Nước thải y tế từ hoạt động vệ sinh buồng xông thuốc.
- + Nguồn số 05: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh.

- Khu B

- + Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh.
- + Nguồn số 07: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

01 dòng nước thải được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện có công suất 150 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế đến hết ngày 31/12/2031 (Kể từ ngày 01/01/2032 áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Cống thoát nước chung của khu vực trên đường Tuệ Tĩnh, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình qua 01 cửa xả phía Đông Nam khu A của cơ sở.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Công thoát nước phía Đông Nam khu A của cơ sở trên đường Tuệ Tĩnh.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2262353; Y(m) = 623098 (Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn trong ngày và không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt giá trị giới hạn tại cột B (K = 1) QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:

TT	Thông số/Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	01 lần/năm theo đề xuất và cam kết của chủ cơ sở	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	pH	-	6,5 - 8,5		
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50		
4	COD	mg/l	100		
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
8	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10		
10	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	20		
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000		
12	Salmonella	VK/100ml	KPH		
13	Shigella	VK/100ml	KPH		
14	Vibrio cholerae	VK/100ml	KPH		

Kể từ ngày 01/01/2032, nước thải sau xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2025/BTNMT (cột B).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh từ khu A

+ Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh theo đường ống uPVC D110 thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống uPVC D200 và hệ thống hố ga ngoài nhà chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

+ Nước thải y tế từ hoạt động rửa dược liệu (khoa dược) theo đường ống uPVC D200 và hệ thống hố ga chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

+ Nước thải y tế từ hoạt động vệ sinh buồng xông thuốc theo đường ống PVC D200 và hệ thống hố ga chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

+ Nước thải từ khu giặt theo đường ống uPVC D200 dẫn ra hố ga ngoài nhà, chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

+ Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh tại các khoa, phòng chuyên môn, phòng thủ thuật/phẫu thuật, phòng xét nghiệm,... theo đường ống uPVC D200 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

- Nước thải phát sinh từ khu B

+ Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh theo đường ống uPVC D110 thu gom về bể tự hoại xây ngầm dưới nhà làm việc và khoa khám bệnh để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống uPVC D200 và hệ thống hố ga ngoài nhà chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

+ Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh tại các khoa, phòng chuyên môn, phòng thủ thuật/phẫu thuật,... theo đường ống uPVC D200 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm.

Nước thải tại khu B theo đường ống uPVC D200 dẫn sang hệ thống xử lý nước thải tập trung 150 m³/ngày đêm bên khu A. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) trước khi thải ra công thoát nước chung của khu vực qua 1 cửa xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung

+ Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải → Song chắn rác → Cụm Bể thu gom – Bể điều hoà → Bể điều hòa – Anaerobic → Bể lắng bùn – Anoxic → Bể đệm vi sinh di động – Oxic → Bể lọc → Bể lưu nước đã xử lý → Bể khử trùng → Hố ga (Nước thải đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B)) → Công thoát nước chung của khu vực trên đường Tuệ Tĩnh, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình qua 01 cửa xả phía Đông Nam khu A của cơ sở.

+ Hóa chất sử dụng: Soda (Na₂CO₃) khoảng 3.600 kg/năm; dinh dưỡng (Methanol) khoảng 1.800 kg/năm; hoá chất khử trùng TCCA khoảng 288 kg/năm (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn cho phép của Giấy phép môi trường).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Điều 28 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ phụ trách môi trường, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập

trung đảm bảo đúng quy trình của hệ thống đã được xây dựng và hướng dẫn.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống đường ống thu, thoát nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung để tăng khả năng thoát nước và loại bỏ các chất bẩn, tăng hiệu quả xử lý nước thải.

- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra; ghi chép sổ nhật ký vận hành theo đúng quy định.

- Báo cáo cơ quan có chức năng về môi trường khi xảy ra các sự cố môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, cơ sở tạm ngừng hệ thống xử lý, đóng van xả nước thải ra điểm đầu nối vào cống thoát nước chung và cử cán bộ kiểm tra, tìm nguyên nhân, khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam cho phép mới thải ra ngoài cống thoát nước chung của khu vực trên đường Tuệ Tĩnh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý nước thải không phải vận hành thử nghiệm (quy định tại điểm g khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Không được phép lắp đặt đường ống khác dẫn nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở. Có sổ nhật ký vận hành trạm xử lý.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, giải quyết.

3.3. Rà soát, cập nhật các thông số ô nhiễm trong nguồn nước thải phát sinh cần giám sát, có kế hoạch nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý nước thải để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả thải ra nguồn tiếp nhận đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với nước thải công nghiệp.

3.4. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra gây ảnh hưởng đến chất lượng nước thải sau xử lý, Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Thiên Trường để kịp thời xử lý./.

Phụ lục II

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ máy giặt.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ các thiết bị xử lý nước thải.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt (cơ sở y tế)

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06h đến 21h	Từ 21h đến 06h		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt (cơ sở y tế)

Kể từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình kỹ thuật.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị đúng hướng dẫn và đúng quy trình của nhà sản xuất.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của thiết bị, thay thế kịp thời.
- Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định./.

Phụ lục III**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI****A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	3
2	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	18 02 01	3
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	290
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	2.265
5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại (hóa chất phân tích thải, dung môi dùng trong xét nghiệm thải, dung dịch fix mẫu thải...)	13 01 02	222
6	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân	13 03 02	2
	Tổng cộng		2.785

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế (giấy, bìa carton, vỏ hộp thuốc, chai nhựa đựng thuốc, chai, lọ dịch truyền,... không chứa thành phần nguy hại)	12.410
2	Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế	140.133
2.1	Chất thải sinh hoạt	77.233
	Chất thải sinh hoạt phát sinh từ CBCNV bệnh viện	20.476
	Chất thải sinh hoạt phát sinh từ bệnh nhân điều trị nội trú	49.640
	Chất thải sinh hoạt phát sinh từ bệnh nhân khám và chữa bệnh ngoại trú	7.117
2.2	Bã dược liệu	62.050
2.3	Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	850
	Tổng	152.543

1.3. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

Không có vì toàn bộ chất thải phát sinh cơ sở quản lý như CTNH.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại (bao gồm: chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm)

2.1.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm

- Thiết bị lưu chứa: 05 thùng màu vàng dán mã, cảnh báo (thể tích 100 lít/thùng).

- Kho chất thải lây nhiễm: Diện tích 08 m² tại vị trí giáp tường bao phía Tây Nam khu A của cơ sở.

+ Kho đã lắp đặt 01 máy lạnh công suất 12.000 BTU;

+ Kho chất thải lây nhiễm lắp biển cảnh báo, có mái che, nền đảm bảo không bị ngập lụt. Trong kho bố trí vật liệu, dụng cụ xử lý khi gặp sự cố như cát khô, mùn cưa, xẻng,... và có thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.1.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm

- Thiết bị lưu chứa: 05 thùng chứa màu đen (thể tích 50 - 200 lít/thùng), thùng chứa có dán mã CTNH riêng biệt.

- Kho CTNH không lây nhiễm: Diện tích 08 m² tại vị trí giáp tường bao phía Tây Nam khu A của cơ sở. Kho chất thải nguy hại lắp biển cảnh báo, có mái che. Trong kho bố trí vật liệu, dụng cụ xử lý khi gặp sự cố như cát khô, mùn cưa, xẻng... và có thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế

- Thiết bị lưu chứa: 04 thùng màu trắng (thể tích 200 lít/thùng).

- Kho chất thải rắn tái chế: Diện tích 02 m². Kho được lắp biển cảnh báo, có mái che, nền đảm bảo không bị ngập lụt.

2.2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế

- Thiết bị lưu chứa: 30 thùng chứa rác thải sinh hoạt (thể tích 50 - 200 lít/thùng) đặt tại các khoa, phòng, hành lang, sân đường trong khuôn viên cơ sở.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ tại các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút xử lý theo quy định.

- Bể chứa chất thải rắn thông thường: Diện tích 02 m², cao 1,4m. Bể chứa được lắp biển cảnh báo, có mái che, nền đảm bảo không bị ngập lụt.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường và các giải pháp trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục IV
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đảm bảo đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực bệnh viện

- Công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của cơ sở hoặc tại trụ sở UBND phường nơi cơ sở hoạt động. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Bố trí đầy đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan (đất đai, xây dựng, quy hoạch,...).

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường. Trong quá trình thực hiện nếu có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để được kiểm tra, hướng dẫn./.